

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày 25-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Yến

Bà Đỗ Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và điểm cầu thành phần là Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THẾ T, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1980 tại Hải Phòng; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Đường 25/10 thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị V; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 03 tiền án, đều đã được xóa án tích:

+ Tại Bản án số 91/2005 ngày 28/10/2005 của Tòa án nhân dân thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

+ Tại Bản án số 84/2009 ngày 15/10/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh T Hóa xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản

do người khác phạm tội mà có”; 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt chung là 72 tháng tù;

+ Tại Bản án số 102 ngày 31/5/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/12/2023 đến ngày 08/12/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

2. TRẦN VĂN M, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1965 tại Hải Phòng; nơi thường trú: Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Thôn 8, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Vũ Thị N (đã chết); bị cáo có vợ là Lê Thị B, sinh năm 1965; có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1996; tiền sự, nhân thân: Không; tiền án: 06 tiền án, chưa được xóa án tích:

+ Tại Bản án số 240/1991 ngày 09/3/1991 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 60 tháng về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

+ Tại Bản án số 18/1992 ngày 22/6/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”;

+ Tại Bản án số 30/2002 ngày 01/02/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Tại Bản án số 83/2004 ngày 06/12/2004 của Tòa án nhân dân thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 60 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Tại Bản án số 84/2009 ngày 15/10/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh T Hóa xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Tại Bản án số 06/2014 ngày 22/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 12/8/2023.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/12/2023 đến ngày 08/12/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Bị hại:* Vợ chồng bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 và ông Bùi T H, sinh năm 1961 cùng trú tại: Tổ dân phố N, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt;

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông H:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố N, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 23/12/2023); vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Lê Xuân Q, bà Lê Thị Đ; anh Q có mặt, bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 30/11/2023, Nguyễn Thế T, Trần Văn M đi xe ô tô Biển kiểm soát 15K-160.91 do anh Lê Xuân Q, sinh năm 1979, trú tại thôn 6, xã K, K, Hải Phòng điều khiển từ thị trấn N, huyện T đến quận Đ chơi. Khi xe đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 ở số 117 đường L, tổ dân phố N, phường H, Đ, Hải Phòng thì T phát hiện cửa ở ban công tầng 2 nhà bà H Đ mở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khi xe ô tô đi qua nhà bà H khoảng 20 mét, T bảo anh Q dừng lại, T một mình xuống xe đi bộ đến trước cửa nhà bà H quan sát rồi quay lại xe, bảo anh Q lái xe đi một vòng nữa rồi quay lại đường Lý Thánh Tông. Khi cách nhà bà H khoảng 70 mét, T bảo anh Q dừng lại. T và M xuống xe, đi bộ đến cây phượng gần cửa nhà bà H thì M đứng chờ, còn T trèo lên cây, leo lên mái nhà bên cạnh, bước sang ban công nhà bà H, mở cửa đi vào phòng thờ tầng 2, rồi đi cầu thang xuống phòng khách ở tầng 1 thì phát hiện gần cửa ra vào tầng 1 có nhiều xe mô tô. T lấy 02 chùm chìa khóa để ở tủ kệ cách vị trí để các xe mô tô khoảng 07 mét, cắm vào các ổ khóa thì thấy có các chìa khóa mở được cửa cuốn, khởi động được xe mô tô nhãn hiệu SH mode màu trắng - nâu Biển kiểm soát 15M1-078.58 và xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đen - đỏ Biển kiểm soát 15M1-046.34. Sau đó, T cầm các chìa khóa quay lại theo lối cũ, trèo ra ngoài gặp M. T rủ M cùng trộm cắp xe mô tô trong nhà bà H, M đồng ý.

T bấm chìa khóa mở cửa cuốn, dùng tay đẩy mở cửa kính bên trong cửa cuốn và đi vào nhà. T cắm các chìa khóa xe vào ổ khóa và lần lượt dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH mode và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade từ trong nhà ra đường, M giúp T đỡ các chiếc xe mô tô ra ngoài. Sau khi dắt được cả 02 xe mô tô ra vỉa hè, T đến bảo anh Q đi về còn T điều khiển xe mô tô SH mode dẫn đường cho M điều khiển xe mô tô Airblade vừa lấy được đi về nhà bà Lê Thị Đ, sinh năm 1963, ở thôn 8, xã T, huyện T, Hải Phòng (chị dâu của M) để cất giấu. Sau đó T gọi anh Q đến chở T và M đến quán ăn đêm của nhà T để M lấy xe mô tô của M đi về nhà.

Sáng ngày 30/11/2023, M đã tháo biển kiểm soát của 02 chiếc xe mô tô trên vứt xuống ao gần nhà bà Đ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T gọi anh Q chở T đến nhà bà Đ lấy xe mô tô nhãn hiệu SH mode mang về nhà mình ở thị trấn N, huyện T cất giấu.

Ngày 01/12/2023, ông Bùi T Hà (là chồng bà Nguyễn Thị H) đã trình báo đến Công an phường Hải Sơn. Sau đó cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đồ Sơn đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Văn M, Nguyễn Thế T.

Qua khám xét khẩn cấp chỗ ở của T và M, Công an quận Đồ Sơn đã thu giữ của T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu trắng - nâu; thu giữ của M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ - đen.

Bản Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 07/12/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: “Xe mô tô nhãn hiệu Honda; loại xe: 2 bánh từ 50-175 cm³; số loại: SH Mode; Dung tích xi lanh 124cm³, màu sơn: trắng nâu; số máy: JF51E0555684, số khung: 5144GY017199, đã qua sử dụng từ tháng 7/2017 có giá là 31.000.000 đồng.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda; loại xe: 2 bánh từ 50-175cm³; số loại: AirBlade; Dung tích xi lanh 108cm³, màu sơn: đen, đỏ, số máy: JF18E5203985, số khung: JF18018Y602786, đã qua sử dụng có giá là 5.700.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản đề nghị định giá là 36.700.000 đồng”.

Vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu trắng - nâu; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ - đen đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị H. Đối với chùm chìa khóa cửa và 02 biển số xe bị T và M vứt đi, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: bà H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 22/3/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Thế T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Trần Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu; sau khi đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T với mức án từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn M với mức án từ 42 (bốn mươi hai) đến 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự vì các bị cáo không có thu nhập ổn định.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bà H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về vấn đề khác: Anh Lê Xuân Q, bà Lê Thị Đ không biết, không chứng kiến việc T và M trộm cắp tài sản, không biết các xe mô tô nêu trên do T và M trộm cắp mà có, không được hưởng lợi ích gì, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố là đúng. Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có thể sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh và khung hình phạt:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 03 giờ 00 ngày 30/11/2023, tại nhà số 117 đường L, thuộc tổ dân phố N, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Thế T, Trần Văn M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu SH mode màu trắng - nâu Biển kiểm soát 15M1-078.58 trị giá 31.000.000 đồng và xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đen - đỏ Biển kiểm soát 15M1-046.34 trị giá 5.700.000 đồng của vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Bùi T Hà mang đi cất giấu thì bị cơ quan điều tra truy xét bắt giữ. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 36.700.000 đồng. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo T: Đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo M: Do bị cáo có 06 tiền án chưa được xóa nên thuộc trường hợp tái

phạm nguy hiểm, đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố các bị cáo như bản cáo trạng là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về nhân thân*: Bị cáo T đã có 03 tiền án trước lần phạm tội này (đã được xóa án tích), bị cáo M đã có 06 tiền án trước lần phạm tội này (đều chưa được xóa án tích) nên các bị cáo được coi là có nhân thân xấu.

[7] Xét tính chất, mức độ, vai trò đồng phạm khi thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Xác định đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, do không có sự bàn bạc, phân công, chuẩn bị gì từ trước. Qua phân tích, đánh giá những hành vi do các bị cáo đã thực hiện, xác định T là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, tuy nhiên do M đã có nhiều tiền án về tội Trộm cắp tài sản nên rất hưởng ứng việc trộm cắp tài sản cùng T, nên vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

[8] *Về hình phạt chính*: Trên cơ sở xem xét toàn diện về khung hình phạt, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 36.700.000 đồng; các bị cáo đều có nhân thân xấu, thể hiện bị cáo là người không có ý thức chấp hành pháp luật. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[9] *Về hình phạt bổ sung*: Xét các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[10] *Về xử lý vật chứng*: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu trắng - nâu; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ - đen đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị H. Đối với chùm chìa khóa cửa và 02 biển số xe bị T và M vứt đi, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được, người bị hại không có yêu cầu bồi thường. Nên hội đồng xét xử không xét.

[11] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Nên hội đồng xét xử không xét.

[12] *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[14] Anh Lê Xuân Q, bà Lê Thị Đ không biết, không chứng kiến việc T và M trộm cắp tài sản, không biết các tài sản nêu trên do bị cáo T và bị cáo M trộm cắp mà có, không được hưởng lợi gì, nên Cơ quan điều tra không xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/12/2023.

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/12/2023.

Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại, người đại diện theo UQ của bị hại;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PC10);
- UBND thị trấn N; xã T,
Huyện T, Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Vinh